

Số: /2014/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày tháng năm 2014

**DỰ THẢO 3
23/6/2014**

THÔNG TƯ

Quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013 được chủ tịch nước công bố ngày 6/12/2013.

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

Chương I

QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân (dưới đây gọi tắt là chủ vật thể) trong nước và nước ngoài có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (dưới đây gọi tắt là vật thể) tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

1. Nhập khẩu: bao gồm các hoạt động nhập khẩu, tạm nhập, tái nhập lô vật

thể, chuyển cửa khẩu và chuyển vào kho ngoại quan

2. *Xuất khẩu*: bao gồm các hoạt động xuất khẩu, tạm xuất, tái xuất khẩu lô vật thể

3. *Chủ vật thể*: là tổ chức, cá nhân có quyền hoặc được ủy quyền sở hữu hoặc sử dụng hoặc trực tiếp vận chuyển, quản lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

4. *Lô vật thể*: là một lượng nhất định của vật thể có các điều kiện và yếu tố giống nhau về khả năng nhiễm dịch.

Điều 4. Yêu cầu chung về việc kiểm dịch thực vật

1. Kiểm tra nhanh chóng, phát hiện chính xác đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam và sinh vật gây hại lạ trên vật thể xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu.

2. Quyết định biện pháp xử lý phù hợp và kịp thời đối với vật thể nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam và sinh vật gây hại lạ.

3. Căn cứ điều kiện thực tế, cơ quan kiểm dịch thực vật ở trung ương tổ chức việc thực hiện xã hội hóa kiểm dịch thực vật xuất khẩu.

Điều 5. Kiểm dịch thực vật theo điều ước quốc tế

Trong trường hợp Việt Nam ký kết văn bản hợp tác song phương hoặc đa phương bao gồm Hiệp định, Thỏa thuận, Bản ghi nhớ, Nghị định thư và các văn bản tương đương khác, việc kiểm dịch thực vật sẽ được tiến hành theo cam kết tại từng văn bản hợp tác cụ thể song phải đảm bảo các tiêu chí kiểm tra được xây dựng trên cơ sở hài hòa và phù hợp với các qui định về kiểm dịch thực vật của mỗi nước.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP KHẨU

Điều 6. Hồ sơ đăng ký kiểm dịch thực vật nhập khẩu

Hồ sơ đăng ký kiểm dịch thực vật nhập khẩu bao gồm các giấy tờ sau:

1. Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật (Phụ lục 1).
2. Bản khai kiểm dịch thực vật: Áp dụng đối với vật thể nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển trước khi cập cảng (Phụ lục 2).
3. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp.
4. Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu theo qui định.
5. Vận đơn: Áp dụng đối với vật thể nhập khẩu bằng đường biển (Bản sao chụp và xuất trình bản chính để đối chiếu).
6. Phiếu đóng gói/Bản kê chi tiết hàng hóa: Bản sao chụp và xuất trình bản chính để đối chiếu.
7. Giấy ủy quyền của chủ vật thể: Áp dụng trong trường hợp chủ vật thể ủy quyền cho người khác thực hiện thủ tục kiểm dịch thực vật (Bản chính). Đối với vật thể nhập khẩu qua các cửa khẩu biên giới hoặc lối mở đường bộ, không yêu cầu giấy ủy quyền của chủ vật thể.
8. Hợp đồng mua bán, thư tín dụng, hợp đồng ủy thác (nếu có) (Bản sao chụp và xuất trình bản chính để đối chiếu).

Điều 7. Trình tự thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu

1. Đăng ký kiểm dịch thực vật

Chủ vật thể nộp 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch thực vật nhập khẩu tại cơ quan kiểm dịch thực vật.

2. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Cơ quan kiểm dịch thực vật có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì yêu cầu chủ vật thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3. Kiểm tra vật thể

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ, cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định địa điểm, thời gian và bố trí cán bộ kiểm tra lô vật thể

a) Kiểm tra sơ bộ

Kiểm tra bên ngoài lô vật thể, bao bì đóng gói, phương tiện chuyên chở, kích thước, khối lượng lô vật thể, khe, kẽ và những nơi sinh vật gây hại có thể ẩn nấp. Thu thập côn trùng bay, bò hoặc bám bên ngoài lô vật thể.

b) Kiểm tra chi tiết

Cán bộ kiểm dịch thực vật tiến hành kiểm tra bên trong và lấy mẫu lô hàng theo qui định tại QCVN 01-141:2013/BNNPTNT Qui chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp lấy mẫu kiểm dịch thực vật.

Trường hợp vật thể được vận chuyển bằng container bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật thì kiểm tra 100% số container đối với 03 lô tiếp theo tính từ lô bị nhiễm dịch, nếu không phát hiện bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật, từ lô thứ 4 trở đi, việc kiểm tra được thực hiện theo qui trình thông thường.

Thu thập các vật thể mang triệu chứng gây hại và sinh vật gây hại.

Phân tích giám định mẫu vật thể, sinh vật gây hại đã thu thập được.

4. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật

a) Lô vật thể không bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ, cơ quan Kiểm dịch thực vật cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa (Mẫu giấy tại phụ lục 3) cho lô vật thể theo qui định.

b) Trường hợp phát hiện lô vật thể bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ, cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định áp dụng các biện pháp xử lý kiểm dịch thực vật phù hợp theo qui định.

c) Trường hợp với lô vật thể được vận chuyển bằng tàu biển có chiều cao khoang chứa hàng từ 3m trở lên, phải chia thành nhiều lớp để kiểm tra thì sau khi kiểm tra mỗi lớp căn cứ vào kết quả kiểm tra, cơ quan kiểm dịch thực vật cấp Giấy tạm cấp kết quả kiểm dịch thực vật cho khối lượng vật thể đã kiểm tra (phụ lục 4). Sau khi hoàn tất kiểm tra toàn bộ lô vật thể, Cơ quan kiểm dịch thực vật căn cứ vào các kết quả kiểm tra để cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa cho lô vật thể.

5. Lưu giữ mẫu vật thể, mẫu sinh vật gây hại và hồ sơ kiểm dịch thực vật

Việc lưu mẫu, gửi mẫu, vận chuyển mẫu và huỷ mẫu vật thể hoặc mẫu sinh vật gây hại; lưu giữ hồ sơ về kiểm dịch thực vật theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 8. Thông báo kiểm dịch thực vật

1. Thông báo cho nước xuất khẩu

Cơ quan kiểm dịch thực vật trung ương sẽ thông báo cho cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền của nước xuất khẩu trong các trường hợp sau:

a) Vật thể nhập khẩu bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ và biện pháp kiểm dịch thực vật được áp dụng để xử lý;

b) Vật thể nhập khẩu chưa được phép nhập khẩu vào Việt Nam;

c) Vật thể nhập khẩu không có Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan có thẩm quyền cấp;

d) Vật thể nhập khẩu vi phạm các qui định khác về kiểm dịch thực vật nhập khẩu của Việt Nam

2. Thông báo cho chủ vật thể và cơ quan khác có liên quan

Cơ quan Kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu sẽ thông báo cho chủ vật thể hoặc cơ quan khác có liên quan trong những trường hợp sau:

a) Vật thể nhập khẩu bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ và biện pháp xử lý kiểm dịch thực vật được áp dụng;

b) Lô vật thể là giống cây trồng hoặc sinh vật có ích.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KIỂM DỊCH THỰC VẬT XUẤT KHẨU

Điều 9. Hồ sơ đăng ký kiểm dịch thực vật xuất khẩu

Hồ sơ đăng ký kiểm dịch thực vật xuất khẩu bao gồm các giấy tờ sau:

1. Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật xuất khẩu/tái xuất khẩu (Phụ lục 5).

2. Giấy ủy quyền của chủ vật thể: Áp dụng trong trường hợp chủ vật thể ủy quyền cho người khác thực hiện thủ tục kiểm dịch thực vật (Bản chính). Đối với vật thể xuất khẩu qua các cửa khẩu biên giới hoặc lối mở đường bộ, không yêu cầu giấy ủy quyền của chủ vật thể.

3. Phiếu đóng gói / Bản kê chi tiết hàng hóa: Bản sao chụp và xuất trình bản chính để đối chiếu.

Điều 10. Trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật xuất khẩu

1. Đăng ký kiểm dịch thực vật

Chủ vật thể nộp 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký cho cơ quan kiểm dịch thực vật nơi gần nhất.

2. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Cơ quan kiểm dịch thực vật có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì yêu cầu chủ vật thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3. Kiểm tra vật thể

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ, cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định địa điểm (tại cơ sở sản xuất, nơi xuất phát, nơi bảo quản ở sâu trong nội địa, cửa khẩu xuất), thời gian và bố trí cán bộ kiểm tra lô vật thể.

a) Kiểm tra sơ bộ

Kiểm tra bên ngoài lô vật thể, bao bì đóng gói, phương tiện chuyên chở, kích thước, khối lượng lô vật thể, khe, kẽ và những nơi sinh vật gây hại có thể ẩn nấp. Thu thập côn trùng bay, bò hoặc bám bên ngoài lô vật thể.

b) Kiểm tra chi tiết

Cán bộ kiểm dịch thực vật tiến hành kiểm tra bên trong và lấy mẫu lô hàng theo qui định tại QCVN 01-141:2013/BNNPTNT Qui chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp lấy mẫu kiểm dịch thực vật.

Thu thập các vật thể mang triệu chứng gây hại và sinh vật gây hại .

Phân tích giám định mẫu vật thể, sinh vật gây hại đã thu thập được.

4. Cấp Giấy chứng nhận Kiểm dịch thực vật

a) Lô vật thể đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu thì cơ quan Kiểm dịch thực vật cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (Mẫu giấy tại phụ lục 6) / Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật tái xuất khẩu (Mẫu giấy tại phụ lục 7) theo qui định.

Trường hợp vật thể xuất khẩu bằng đường biển hoặc hàng không, chủ vật thể nộp bản sao vận đơn và xuất trình bản chính để đối chiếu khi yêu cầu cơ quan kiểm dịch thực vật xác nhận vào Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật các thông

tin nêu trong vận đơn. Chủ vật thể chỉ nộp vận đơn cho cơ quan kiểm dịch thực vật khi vật thể đã được kiểm tra và đủ điều kiện xuất khẩu theo qui định.

b) Lô vật thể không đáp ứng yêu cầu về kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu thì cơ quan kiểm dịch thực vật không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đồng thời thông báo cho chủ vật thể biết.

5. Lưu giữ mẫu vật thể, mẫu sinh vật gây hại và hồ sơ kiểm dịch thực vật

Việc lưu mẫu, gửi mẫu, vận chuyển mẫu và huỷ mẫu vật thể hoặc mẫu sinh vật gây hại; lưu giữ hồ sơ về kiểm dịch thực vật theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KIỂM DỊCH THỰC VẬT QUÁ CẢNH

Điều 11. Hồ sơ đăng ký kiểm dịch thực vật quá cảnh

Hồ sơ đăng ký kiểm dịch thực vật quá cảnh bao gồm các giấy tờ sau:

1. Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật (Phụ lục 1)
2. Giấy ủy quyền của chủ vật thể: Áp dụng trong trường hợp chủ vật thể ủy quyền cho người khác thực hiện thủ tục kiểm dịch thực vật.
3. Hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng ủy thác hoặc thư tín dụng (Bản sao chụp và xuất trình bản chính để đối chiếu).
4. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do nước xuất khẩu cấp
5. Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu.

Điều 12. Trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật quá cảnh

1. Đăng ký kiểm dịch thực vật

Chủ vật thể nộp 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch thực vật với cơ quan kiểm dịch thực vật.

2. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Cơ quan kiểm dịch thực vật có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì yêu cầu chủ vật thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3. Kiểm tra vật thể

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ, cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định địa điểm, thời gian và bố trí cán bộ kiểm tra lô vật thể

a) Kiểm tra sơ bộ

Kiểm tra bên ngoài lô vật thể, bao bì đóng gói, phương tiện chuyên chở, kích thước, khối lượng lô vật thể, khe, kẽ và những nơi sinh vật gây hại có thể ẩn nấp. Thu thập côn trùng bay, bò hoặc bám bên ngoài lô vật thể.

b) Kiểm tra chi tiết

Kiểm tra tình trạng bao gói và độ nguyên vẹn của lô hàng.

Phân tích giám định mẫu vật thể, sinh vật gây hại đã thu thập được.

4. Cấp Giấy chứng nhận Kiểm dịch thực vật

a) Lô vật thể đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thực vật quá cảnh theo quy định thì cơ quan kiểm dịch thực vật cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa cho lô vật thể đó.

b) Trường hợp phát hiện lô vật thể bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ thì cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định và áp dụng các biện pháp xử lý kiểm dịch thực vật phù hợp theo quy định.

c) Trường hợp tình trạng bao gói của lô vật thể không đảm bảo thì chủ vật thể phải bao gói lại.

5. Lưu giữ mẫu vật thể, mẫu sinh vật gây hại và hồ sơ kiểm dịch thực vật

Việc lưu mẫu, gửi mẫu, vận chuyển mẫu và huỷ mẫu vật thể hoặc mẫu sinh vật gây hại; lưu giữ hồ sơ về kiểm dịch thực vật theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

CHƯƠNG V

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KIỂM DỊCH THỰC VẬT SAU NHẬP KHẨU

Điều 13. Vật thể phải thực hiện kiểm dịch thực vật sau nhập.

1. Sinh vật có ích
2. Hom giống, cây giống, củ giống, hạt giống, cành ghép và mắt ghép quy định phải qua kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu theo kết quả phân tích nguy cơ dịch hại.

Điều 14. Số lượng, khối lượng nhập khẩu để thực hiện kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu

1. Sinh vật có ích: Số lượng sẽ được quy định cụ thể trong báo cáo phân tích nguy cơ dịch hại
2. Hom, chồi giống, cây, củ: 30 – 50 cá thể
3. Cành, mắt ghép: 10 – 20 cành
4. Hạt giống: Số lượng sẽ được quy định cụ thể trong báo cáo phân tích nguy cơ dịch hại

Điều 15. Nội dung kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu

Toàn bộ lô vật thể sau khi đã hoàn thiện thủ tục KDTV tại cửa khẩu nhập phải chuyển đến khu cách ly kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu để kiểm tra:

1. Đối với giống cây trồng: Kiểm tra sinh vật gây hại tiềm ẩn thuộc danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam và các sinh vật gây hại lạ khác.

2. Đối với sinh vật có ích: Kiểm tra độ an toàn của sinh vật có ích theo các chỉ tiêu, tiêu chuẩn hiện hành áp dụng cho sinh vật có ích nhập khẩu.

Điều 16. Quy trình kiểm tra sau nhập khẩu

1. Kiểm tra sơ bộ

Kiểm tra sơ bộ tình trạng của lô vật thể, vào sổ các thông tin liên quan và kết quả kiểm tra tại cửa khẩu.

2. Kiểm tra lô vật thể

a) Đối với giống cây trồng

Kiểm tra định kỳ 7 ngày một lần hoặc kiểm tra đột xuất sinh vật gây hại tiềm ẩn trên giống cây trồng trong khu cách ly kiểm dịch thực vật;

b) Đối với sinh vật có ích

Kiểm tra độ thuần của lô vật thể.

Kiểm tra tính chuyên tính ký chủ của lô vật thể.

Đối với côn trùng có ích, kiểm tra, theo dõi hàng ngày tình trạng lô vật thể, thu thập các cá thể bị chết để kiểm tra ký sinh bậc 2.

3. Trả lời kết quả kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu

Khi hết thời gian theo dõi theo quy định, cơ quan kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu báo cáo kết quả kiểm tra cho cơ quan kiểm dịch thực vật trung ương xem xét, quyết định.

4. Lưu giữ mẫu vật thể, mẫu dịch hại và hồ sơ kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu

Việc lưu mẫu vật thể, mẫu dịch hại và lưu giữ hồ sơ về kiểm dịch thực vật theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 17. Thời gian kiểm tra theo dõi

Thời gian kiểm tra, theo dõi kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu đối với từng loại giống cây trồng và sinh vật có ích như sau:

1. Chồi, hom, cành, mắt ghép: 1 - 2 năm;
2. Cây: 6 đến 12 tháng;
3. Củ giống: 1 chu kỳ sinh trưởng;
4. Sinh vật có ích: 6 đến 12 tháng;
5. Hạt giống: 6 tháng đến 24 tháng.

Điều 18. Biện pháp xử lý đối với trường hợp lô vật thể bị phát hiện nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ.

1. Đối với giống cây trồng: nếu phát hiện thấy đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ, toàn bộ lô vật thể sẽ bị tiêu hủy.

2. Đối với sinh vật có ích: nếu không đáp ứng được các chỉ tiêu theo quy định hiện hành, toàn bộ lô vật thể sẽ bị tiêu hủy.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Trách nhiệm của Cục Bảo vệ thực vật

Tổ chức thực hiện công tác kiểm dịch thực vật được quy định tại Thông tư này.

Điều 20. Trách nhiệm của các đơn vị kiểm dịch thực vật

Thực hiện kiểm tra, lập hồ sơ, cấp giấy chứng nhận và lưu hồ sơ theo quy định.

Điều 21. Trách nhiệm của chủ vật thể

1) Chấp hành các quy định nêu tại Thông tư này và các quy định của pháp luật về kiểm dịch thực vật.

2) Phối hợp và tạo điều kiện cho cán bộ kiểm dịch thực vật thực hiện các qui định tại Thông tư này và các qui định về kiểm dịch thực vật hiện hành.

3) Thực hiện các quy định trong Giấy phép kiểm dịch thực vật, Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật được cấp.

4) Nộp phí và lệ phí kiểm dịch thực vật theo quy định hiện hành.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Bãi bỏ Thông tư 65/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2012 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn qui định về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật. Bãi bỏ mẫu giấy 3, 4, 7, 8, 9, 10, 11 tại phụ lục I Thông tư 14/2012/TT-BNNPTNT ngày 27/3/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn hồ sơ nghiệp vụ kiểm dịch thực vật.

Điều 23. Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Bảo vệ thực vật) để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Sở Nông nghiệp và PTNT các Tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Các Cục, Vụ, Văn phòng Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Các Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng thuộc Cục BVTV
- Lưu VT, KHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Quốc Doanh

Phụ lục 1: Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2014 /TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....ngày.....tháng.....năm.....

Giấy đăng ký kiểm dịch (*)

Kính gửi:(**).....

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax/E-mail:

Số Giấy CMND: Ngày cấp:Nơi cấp:

Đề nghị quý cơ quan kiểm dịch lô hàng nhập khẩu sau (***):

1. Tên hàng: Tên khoa học:
Cơ sở sản xuất:
Mã số (nếu có):
Địa chỉ:.....
2. Số l- ợng và loại bao bì:
3. Khối l- ợng tịnh: Khối l- ợng cả bì:
4. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr...):
5. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu:
Địa chỉ:.....
6. N- ớc xuất khẩu:
7. Cửa khẩu xuất:
8. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu:
Địa chỉ:.....
9. Cửa khẩu nhập:
10. Ph- ơng tiện vận chuyển:
11. Mục đích sử dụng:
12. Giấy phép kiểm dịch nhập khẩu (nếu có):
13. Địa điểm kiểm dịch:
14. Thời gian kiểm dịch:
15. Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:
16. Nơi hàng đến:.....

Chúng tôi xin cam kết: Bảo quản nguyên trạng hàng hoá nhập khẩu, đ- a về đúng địa điểm, đúng thời gian đ- ọc đăng ký và chỉ đ- a hàng hoá ra l- u thông sau khi đ- ọc quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (****).

Tổ chức cá nhân đăng ký
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Cơ quan Kiểm dịch

Đồng ý đ- a hàng hoá về địa điểm:.....

để làm thủ tục kiểm dịch vào hồigiờ ngày tháng.....năm.....

Lô hàng chỉ được thông quan sau khi có Giấy chứng nhận kiểm dịch

Vào số số....., ngày.....thángnăm

.....(*).....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Cơ quan Hải quan

(trong trường hợp lô hàng không đ- ợc nhập khẩu)

Lô hàng không đ- ợc nhập khẩu vào Việt Nam vì lý do:.....

.....

....., ngàytháng ... năm

Chi cục Hải quan cửa khẩu.....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(*) Đăng ký theo Mẫu này đ- ợc thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

(**) Tên cơ quan Kiểm dịch;

(***) Phải có đầy đủ các tiêu chí theo đúng thứ tự và khai các tiêu chí thích hợp đối với lô hàng;

(****) Cam kết này chỉ ghi khi đăng ký kiểm dịch đối với hàng hóa nhập khẩu;

L- u ý: Cá nhân đăng ký không có con dấu phải ghi rõ số Giấy chứng minh nhân dân, ngày tháng và nơi cấp.

Phụ lục 2: Bản khai kiểm dịch thực vật

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2014 /TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

BẢN KHAI KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Declaration for phytosanitary inspection

Tên tàu:..... Quốc tịch:.....

Name of ship **Nationality**

Tên thuyền trưởng:..... Số hành khách:.....

Master's name: *Number of passengers*

Số thuyền viên:.....

Number of crew:

Cảng rời cuối cùng:..... Cảng đến tiếp theo:.....

Port of arrival from **Next port**

Cảng bốc hàng đầu tiên và ngày rời cảng đó:

The first port of loading and the date of departure.....

Tên, số lượng, khối lượng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhận ở cảng đầu tiên:

Name, quantity and weight of regulated article loaded at the first port:.....

.....
.....

Tên, số lượng, khối lượng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhận ở các cảng trung gian và tên các cảng đó:

Name, quantity and weight of regulated article loaded at the intermediate ports and the names of these ports:

.....
.....

Tên, số lượng, khối lượng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật cần bốc dỡ ở cảng này:

Name, quantity and weight of regulated article to be discharged at this port:

.....
.....

Thuyền trưởng cam đoan những điều khai ở trên là đúng và chịu trách nhiệm chấp hành đầy đủ các quy định về kiểm dịch thực vật.

The Master guarantees the correctness of the above mentioned declarations and his responsibility for entirely by the said regulations on plant quarantine.

....., ngày ,,... tháng.... năm 20.....

Date

THUYỀN TRƯỞNG (ĐẠI LÝ HOẶC SỸ QUAN)

Master (Authorized agent or officer

Phụ lục 3: Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2014 /TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(TÊN CƠ QUAN KDTV)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật
NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH VÀ VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA**

Số: /KDTV

Cấp cho:

Địa chỉ:

Điện thoại:

CĂN CỨ CẤP GIẤY:

Giấy phép kiểm dịch thực vật (KDTV) nhập khẩu số ngày/...../..... ;

Giấy đăng ký KDTV; Giấy chứng nhận KDTV của n- ớc xuất hàng;

Kết quả kiểm tra, phân tích giám định trong phòng thí nghiệm;

Dấu xử lý vật liệu đóng gói bằng gỗ của n- ớc xuất khẩu;

Căn cứ khác:

CHỨNG NHẬN:

Những vật thể thuộc diện KDTV(vật thể) sau đây:

Số l- ợng:

Khối l- ợng:(viết bằng chữ).....

Số vận đơn:.....

Ph- ơng tiện vận chuyển:

Nơi đi:

Nơi đến:

Ch- a phát hiện dịch hại thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam;

Phát hiện loài là dịch hại thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam. Lô vật thể đã đ- ợc xử lý đảm bảo tiêu diệt triệt để dịch hại trên;

Phát hiện dịch hại lạ. Lô vật thể đã đ- ợc xử lý đảm bảo tiêu diệt triệt để dịch hại trên;

Lô vật thể trên đ- ợc phép chở tới:

QUY ĐỊNH MỘT SỐ ĐIỀU KIỆN TRONG KHI GỬI VÀ NHẬN HÀNG:

Lô vật thể đ- ợc phép gieo trồng, sử dụng tại địa điểm quy định trên;

Lô vật thể đ- ợc phép quá cảnh lãnh thổ Việt Nam theo lộ trình trên và phải tuân thủ mọi quy định về KDTV quá cảnh của Việt Nam;

Báo ngay cho cơ quan KDTV/Bảo vệ thực vật nơi gần nhất khi phát hiện dịch hại thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam (trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển, sử dụng, gieo trồng, ...);

Điều kiện khác:

TH □ TR □ □ NG C □ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Nghiêm cấm việc chở hàng đến địa điểm khác nếu không đ- ợc phép của cơ quan KDTV.

Phụ lục 4: Giấy tạm cấp kết quả kiểm dịch thực vật

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2014 /TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(TÊN CƠ QUAN KDTV)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY TẠM CẤP KẾT QUẢ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Số:...../ KDTV

Cấp cho:

Địa chỉ:

Tên vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật :

Số l- ợng:..... (viết bằng chữ)

Khối l- ợng:..... (viết bằng chữ)

Số vận đơn:

Địa điểm để hàng:

Ngày kiểm tra:

Kết quả kiểm dịch thực vật (KDTV):

1. Vật thể nhập khẩu:

- Ch- a phát hiện dịch hại thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ. Hàng đ- ợc phép bốc dỡ và vận chuyển đến; Trong quá trình bốc dỡ và vận chuyển, nếu phát hiện dịch hại thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ thì chủ vật thể phải thực hiện ngay các biện pháp xử lý theo quy định về KDTV;
- Kiểm tra bên ngoài lô hàng, ch- a phát hiện dịch hại thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ. Hàng đ- ợc phép vận chuyển đến Chủ vật thể phải báo ngay cho Chi cục KDTV vùngđể hoàn tất thủ tục KDTV;

2. Vật thể xuất khẩu:

- Lô hàng đã đ- ợc kiểm dịch và đủ điều kiện xuất khẩu;
- Đ- ợc phép vận chuyển lên tàu.

Chủ vật thể phải nộp Giấy chứng nhận KDTV chính thức cho cơ quan Hải quan để thay thế cho Giấy tạm cấp này ngay sau khi đ- ợc cơ quan KDTV cấp.

3. Có giá trị từ ngày ___ / ___ / _____ đến ngày ___ / ___ / _____

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 5: Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật xuất khẩu/tái xuất khẩu

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2014 /TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT XUẤT KHẨU/TÁI XUẤT KHẨU

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax/E-mail:

Số Giấy CMND: Ngày cấp:Nơi cấp:

Đề nghị quý cơ quan kiểm dịch lô hàng xuất khẩu sau :

1. Tên hàng: Tên khoa học:
Cơ sở sản xuất:
Mã số (nếu có):
Địa chỉ:.....
2. Số l- ợng và loại bao bì :
3. Khối l- ợng tịnh: Khối l- ợng cả bì:.....
4. Ký mã hiệu, số hợp đồng hoặc LC :
5. Ph- ơng tiện chuyên chở:
6. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu:
Địa chỉ:.....
7. Cửa khẩu xuất:
8. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu:
Địa chỉ:.....
9. Cửa khẩu nhập:
10. Nước nhập khẩu:.....
11. Mục đích sử dụng:
12. Địa điểm kiểm dịch:
13. Thời gian kiểm dịch:
14. Địa điểm, thời gian giám sát xử lý (nếu có):

Số bản Giấy chứng nhận KDTV cần cấp: bản chính;bản sao.....

Vào sổ số:ngày/...../.....

Cán bộ KDTV nhận giấy đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)

Tổ chức, cá nhân đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 6: Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật


(Ban hành kèm theo Thông tư số /2014/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

sample

BỘ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MINISTRY OF AGRICULTURE & RURAL DEVELOPMENT CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT PLANT PROTECTION DEPARTMENT		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc INDEPENDENCE-FREEDOM-HAPPINESS		
GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT PHYTOSANITARY CERTIFICATE				
Gửi : Cơ quan Bảo vệ thực vật nước TO : THE PLANT PROTECTION ORGANIZATION(S) OF			Số (No)	
DIỄN GIẢI VỀ LÔ HÀNG (DESCRIPTION OF CONSIGNMENT)				
1. Tên và địa chỉ người xuất khẩu: NAME AND ADDRESS OF THE EXPORTER:		5. Nơi sản xuất: PLACE OF ORIGIN:		
		6. Phương tiện chuyên chở: DECLARED MEANS OF CONVEYANCE:		
2. Tên và địa chỉ người nhận: DECLARED NAME AND ADDRESS OF THE CONSIGNEE:		7. Cửa khẩu nhập: DECLARED POINT OF ENTRY:		
		8. Tên và khối lượng sản phẩm: NAME OF PRODUCE AND QUANTITY DECLARED:		
3. Số lượng và loại bao bì: NUMBER AND DESCRIPTION OF PACKAGES:		9. Tên khoa học của thực vật: BOTANICAL NAME OF PLANTS:		
4. Ký, mã hiệu: DISTINGUISHING MARKS:				
Nay chứng nhận rằng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật khác nêu trên đã được kiểm tra và/hoặc thử nghiệm theo quy trình thích hợp và được coi là không có dấu tượng kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu cũng như phù hợp với yêu cầu kiểm dịch thực vật hiện hành của nước nhập khẩu. This is to certify that the plants, plant products or other regulated articles described herein have been inspected and/or tested according to appropriate official procedures and are considered to be free from the quarantine pests, specified by the importing contracting party and to conform with the current phytosanitary requirements of the importing contracting party.				
KHAI BÁO BỔ SUNG (ADDITIONAL DECLARATION)				
XỬ LÝ (DISINFESTATION AND / OR DISINFECTION TREATMENT)				
10. Ngày (DATE)	12. Tên thuốc (hoạt chất): CHEMICAL (active ingredient)	14. Thời gian và nhiệt độ: DURATION AND TEMPERATURE:		
11. Phương pháp xử lý (TREATMENT)	13. Nồng độ (CONCENTRATION)	15. Thông tin thêm (ADDITIONAL INFORMATION):		
16. Dấu của cơ quan STAMP OF ORGANIZATION 	17. Nơi cấp giấy: PLACE OF ISSUE	19. Tên, chữ ký của cán bộ Kiểm dịch thực vật có thẩm quyền NAME AND SIGNATURE OF AUTHORIZED OFFICER		
	18. Ngày cấp: DATE ISSUED			
Cục Bảo vệ thực vật hoặc viên chức Kiểm dịch thực vật của Việt Nam không có trách nhiệm nào về mặt tài chính liên quan đến giấy chứng nhận này. No financial liability with respect to this certificate shall attach to Plant Protection Department of Vietnam or to any of its officers or representatives.				

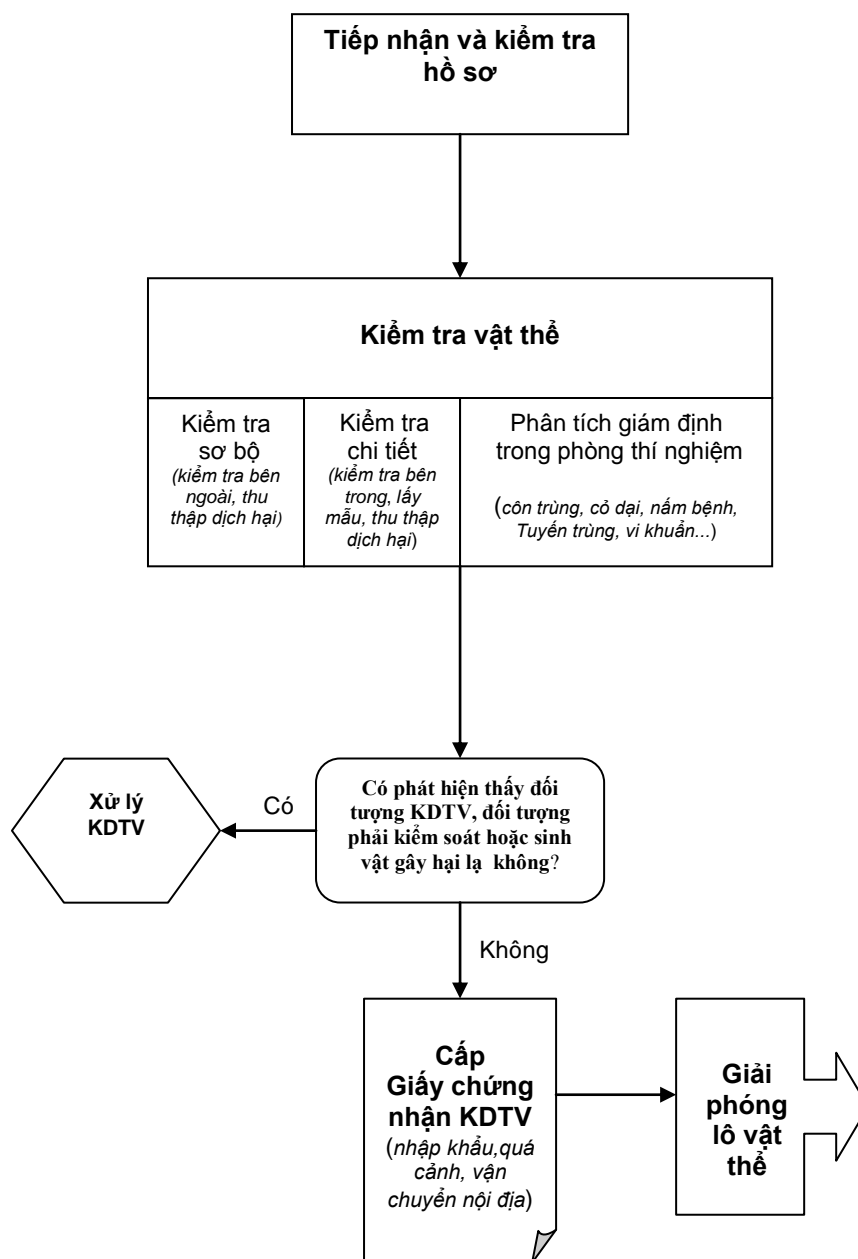
Phụ lục 7: Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật tái xuất khẩu

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2014/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MINISTRY OF AGRICULTURE & RURAL DEVELOPMENT CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT PLANT PROTECTION DEPARTMENT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness	
GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT TÁI XUẤT KHẨU PHYTOSANITARY CERTIFICATE FOR RE-EXPORT		
Gửi: Cơ quan Bảo vệ thực vật nước TO : THE PLANT PROTECTION ORGANIZATION(S) OF		Số (No.):
DIỄN GIẢI VỀ LŌ HÀNG (DESCRIPTION OF CONSIGNMENT)		
1. Tên và địa chỉ người xuất khẩu: NAME AND ADDRESS OF THE EXPORTER :	5. Nơi sản xuất: PLACE OF ORIGIN :	
	6. Phương tiện chuyên chở: DECLARED MEANS OF CONVEYANCE	
2. Tên và địa chỉ người nhận: DECLARED NAME AND ADDRESS OF THE CONSIGNEE :	7. Cửa khẩu nhập: DECLARED POINT OF ENTRY :	
	8. Tên và khối lượng sản phẩm: NAME OF PRODUCE AND QUANTITY DECLARED:	
3. Số lượng và loại bao bì NUMBER AND DESCRIPTION OF PACKAGES :		
4. Ký, mã hiệu: DISTINGUISHING MARKS :	9. Tên khoa học của thực vật: BOTANICAL NAME OF PLANTS :	
Nay chứng nhận rằng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (KDTV) nêu trên được nhập khẩu vào Việt Nam từ nước <i>(This is to certify that the plants, plant products described above were imported into Vietnam from)</i>với Giấy chứng nhận KDTV số <i>(covered by Phytosanitary Certificate No)</i> bản gốc <i>(original)</i> <input type="checkbox"/> bản sao <i>(certified true copy)</i> <input type="checkbox"/> gửi kèm theo giấy chứng nhận này <i>(of which is attached to this certificate)</i> ; rằng chúng đã được đóng gói <i>(that they are packed)</i> <input type="checkbox"/> đóng gói lại <i>(repacked)</i> <input type="checkbox"/> giữ nguyên bao bì gốc <i>(in original)</i> <input type="checkbox"/> bao bì mới <i>(new container)</i> <input type="checkbox"/> trên cơ sở Giấy chứng nhận KDTV gốc <i>(that based on original phytosanitary certificate)</i> <input type="checkbox"/> và kiểm tra bổ sung <i>(and additional inspection)</i> <input type="checkbox"/> , được coi là phù hợp với yêu cầu KDTV hiện hành của nước nhập khẩu, và trong thời gian bảo quản tại Việt Nam, lô hàng này không bị lây nhiễm sinh vật gây hại <i>(they are considered to conform with the current phytosanitary requirements of the importing contracting party, and that during storage in Vietnam, the consignment has not been subjected to risk of infestation or infection).</i>		
KHAI BÁO BỔ SUNG (ADDITIONAL DECLARATION)		
XỬ LÝ (DISINFESTATION AND / OR DISINFECTION TREATMENT)		
10. Ngày DATE	12. Tên thuốc (hoạt chất): CHEMICAL (active ingredient)	14. Thời gian và nhiệt độ DURATION AND TEMPERATURE
11. Phương pháp xử lý (TREATMENT)	13. Nồng độ (CONCENTRATION)	15. Thông tin thêm (ADDITIONAL INFORMATION)
16. Dấu của cơ quan STAMP OF ORGANIZATION	17. Nơi cấp giấy PLACE OF ISSUE	19. Tên, chữ ký của cán bộ kiểm dịch thực vật có thẩm quyền NAME AND SIGNATURE OF AUTHORIZED OFFICER
	18. Ngày cấp DATE ISSUED	
Cục Bảo vệ thực vật hoặc viên chức Kiểm dịch thực vật của Việt Nam không có trách nhiệm nào về mặt tài chính liên quan đến giấy chứng nhận này. No financial liability with respect to this certificate attach to Plant Protection Department of Vietnam or to any of its officers or representatives.		

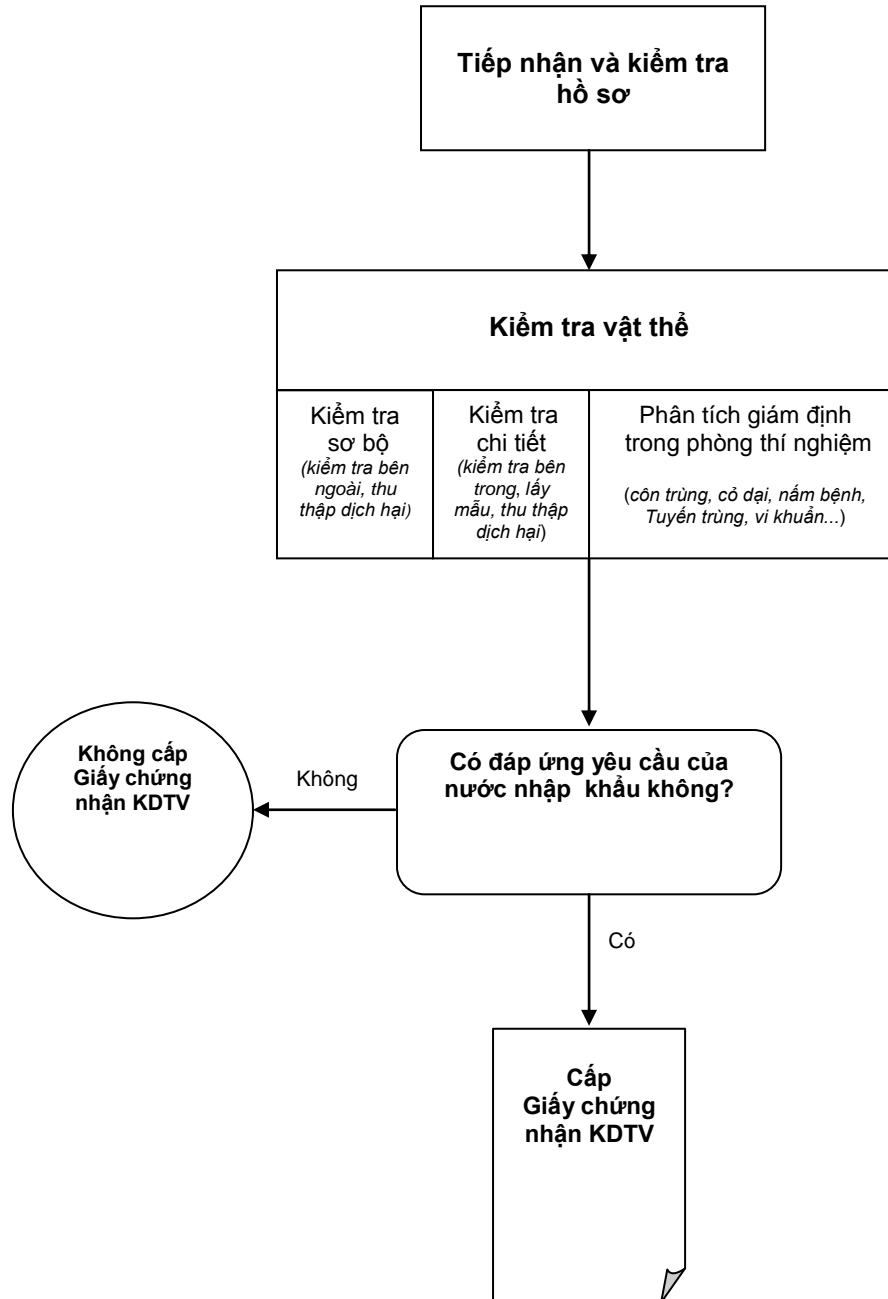
Phụ lục 8: Sơ đồ quy trình kiểm dịch thực vật nhập khẩu

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2014 /TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)



Phụ lục 9: Sơ đồ quy trình kiểm dịch thực vật xuất khẩu

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2014 /TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)



Phụ lục 10: Sơ đồ quy trình kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2014 /TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

